

MANAGEMENT OF THE BUSINESS ADMINISTRATION TRAINING PROGRAM AT BINH DUONG UNIVERSITY OF ECONOMICS AND TECHNOLOGY ACCORDING TO AUN-QA APPROACH

Nguyen Viet Loi¹, Phan Hung Thu^{*2},
Tang Thi Thanh Sang³, Do Thi Bich Loan⁴

* Corresponding author
Email: thuph.vinhuni@gmail.com

¹ Email: loi.nv@kttk.edu.vn
Binh Duong Economics and Technology University
Thuan Giao ward, Thuan An city,
Binh Duong province, Vietnam

³ Email: sangluat@gmail.com

^{2,3} Vinh University.
No. 182 Le Duan street, Vinh city,
Nghe An province, Vietnam

⁴ Email: bichloan1095@gmail.com
The Vietnam Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem,
Hanoi, Vietnam

Received: 10/3/2025

Revised: 03/4/2025

Accepted: 17/4/2025

Published: 15/6/2025

Abstract: This study presents the theoretical basis and practical implementation of the management of the Business Administration training program at Binh Duong University of Economics and Technology, according to the AUN-QA approach. The research surveyed 250 participants including administrators, lecturers, students, and alumni. The results indicate that the university has largely implemented the eight AUN-QA standards and has achieved certain successes. However, some limitations remain in areas such as learning outcomes development, curriculum content, teaching and learning processes, assessment of learning outcomes, facilities, and equipment. Accordingly, the study proposes eight groups of valuable solutions to enhance the quality of program management.

Keywords: *Training program, quality assurance, AUN-QA.*

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG THEO TIẾP CẬN AUN-QA

Nguyễn Viết Lợi¹, Phan Hùng Thư^{*2},
Tăng Thị Thanh Sang³, Đỗ Thị Bích Loan⁴

* Tác giả liên hệ
Email: thuph.vinhuni@gmail.com

¹ Email: loi.nv@kttk.edu.vn
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An,
tỉnh Bình Dương, Việt Nam

³ Email: loi.nv@kttk.edu.vn

^{2,3} Trường Đại học Vinh
Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

⁴ Email: bichloan1095@gmail.com
Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 05/3/2025

Chỉnh sửa xong: 03/4/2025

Chấp nhận đăng: 17/4/2025

Xuất bản: 15/6/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu trình bày cơ sở lý luận và thực tế về hoạt động quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tiếp cận AUN-QA của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. Nghiên cứu được khảo sát trên 250 cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên. Kết quả khảo sát theo hướng tiếp cận trên cho thấy, nhà trường đã triển khai khá đầy đủ trên 8 tiêu chuẩn của AUN-QA và đã có những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, công tác vẫn còn những hạn chế nhất định về các hoạt động như: Xây dựng chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, giảng dạy và học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cơ sở vật chất và trang thiết bị... Qua đó, nghiên cứu đã đề xuất 08 nhóm giải pháp có giá trị.

Từ khóa: *Chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng, AUN-QA.*

1. Đặt vấn đề

Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục các trường đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, đáp ứng yêu cầu, góp phần làm

thúc đẩy tự chủ trong giáo dục đại học, nâng cao chất lượng là mục tiêu quan trọng trong chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030 (Thủ tướng

Chính phủ, 2022). Tiếp cận AUN-QA là cách tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về đảm bảo chất lượng phù hợp với trình độ các trường đại học Việt Nam vì đó là lựa chọn tốt nhất với các chuẩn mực quốc tế tối thiểu, là mục tiêu mà nhiều trường đại học tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á cần hướng tới nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (Hồ Minh Hùng và Nguyễn Chiến Thắng, 2024). Hiện nay, việc các trường tham gia kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA còn tạo điều kiện cho sinh viên được chuyển đổi tín chỉ học tập giữa các chương trình đào tạo ở trường đại học thành viên AUN; tạo lợi thế cho hoạt động trao đổi giữa sinh viên, giảng viên của các trường đại học; giúp người sử dụng lao động có cơ sở để tìm kiếm nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, từ một chương trình đào tạo sẽ có những tham chiếu mang tính quốc tế hóa (Nguyễn Huy Dũng, 2023).

Số lượng các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được đánh giá bởi AUN-QA chiếm tỉ lệ cao so với các chương trình đào tạo được đánh giá bởi các tổ chức kiểm định quốc tế. Kết quả này phần nào thể hiện tính hướng ngoại, định hướng năng tầm quốc tế của các chương trình đào tạo nhằm bắt kịp xu hướng hội nhập hiện nay (Nguyễn Quang Vinh, 2020). Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2024, Việt Nam có 2.179 chương trình đào tạo được đánh giá và đạt chuẩn chất lượng. Trong đó, 1.558 chương trình đào tạo kiểm định theo bộ tiêu chuẩn trong nước, 621 chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng quốc tế. Số lượng chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA chiếm 65,7% (408/621) trong tổng số chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế (Cục Quản lý giáo dục, 2024).

Hoạt động xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2025 - 2030 tầm nhìn đến năm 2035 là phát triển nhà trường ngang tầm khu vực Đông Nam Á và từng bước góp phần nâng cao chất lượng và uy tín của giáo dục đại học của Việt Nam trên thế giới (Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, 2021, 2024). Nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao hoạt động quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận AUN-QA nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, giúp sinh viên ra trường có năng lực nghề nghiệp, đáp ứng thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và từng bước giúp nhà trường trong việc hội nhập quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như: Phương pháp thu thập, thống kê, xử lý tài liệu; Phương pháp phân tích tổng hợp; Phương pháp khảo sát dùng để khảo sát, tìm hiểu trực tiếp các vấn đề trong nội dung nghiên cứu với 250 phiếu khảo sát với đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên. Khoảng cách thang đo Likert 5 được xác định bằng công thức $(5-1)/5 = 0,8$ (Narlı, 2010; Yavuz et al., 2013). Đánh giá độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng $< 0,3$ sẽ bị loại và thang đo được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Khoảng giá trị (M) cụ thể như sau: $1,00 \leq M \leq 1,80$ (Rất không đồng ý/ Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu); $1,81 \leq M \leq 2,60$ Không đồng ý/ Không đáp ứng yêu cầu; $2,61 \leq M \leq 3,40$ Đồng ý một phần/ Không đáp ứng yêu cầu nhưng chỉ cần cải thiện nhỏ sẽ đáp ứng; $3,41 \leq M \leq 4,20$ Đồng ý/ Đáp ứng đầy đủ yêu cầu; $4,21 \leq M \leq 5,00$ Rất đồng ý một phần/ Tốt hơn mức đáp ứng đầy đủ yêu cầu

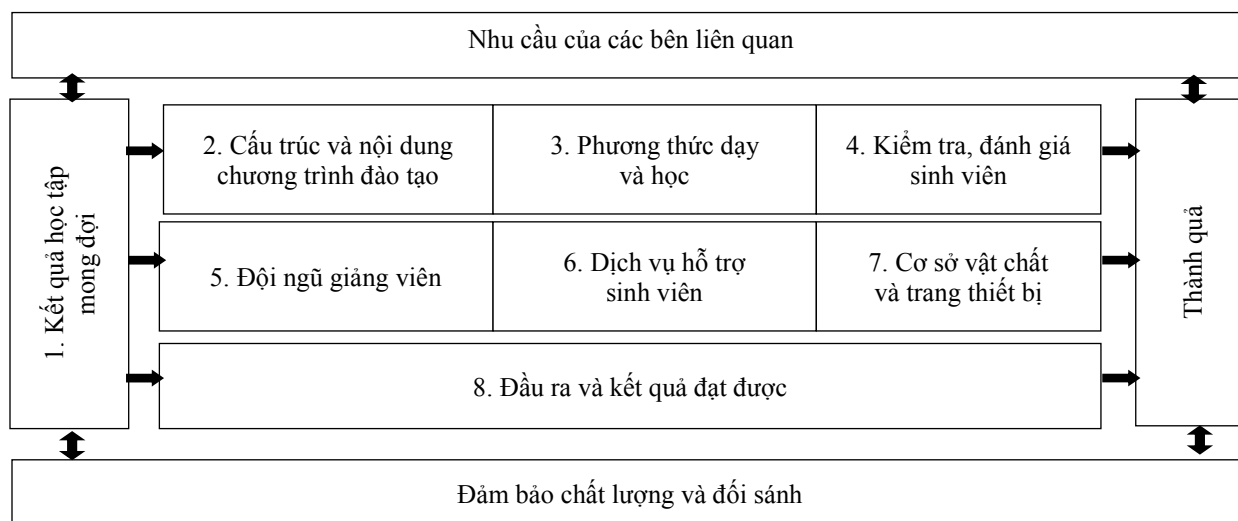
3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận để nghiên cứu thực trạng

Nội dung nghiên cứu thực trạng nghiên cứu này được dựa trên cách tiếp cận mô hình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo AUN-QA.

Mô hình bảo đảm chất lượng theo AUN-QA cấp chương trình đào tạo bao gồm việc tìm hiểu mong muốn của các bên liên đối với chương trình đào tạo. Các mong đợi này được chuyển tải vào kết quả học tập. "Kết quả học tập mong đợi tác động đến mọi hoạt động để chương trình đạt được các thành quả mong muốn" (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021).

AUN-QA phiên bản 4.0 bao gồm 8 tiêu chuẩn với 53 tiêu chí (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021). Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tại Trường, nghiên cứu sẽ đề cập đến 9 nội dung (nhân tố) quản lý chương trình đào tạo bao phủ 8 tiêu chuẩn của AUN-QA, cụ thể như sau: 1) Quản lý kết quả mong đợi; 2) Quản lý và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ; 3) Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị; 4) Quản lý nội dung chương trình đào tạo; 5) Quản lý hoạt động dạy và học; 6) Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá; 7) Quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ; 8) Quản lý sự tiến bộ của người học; 9) Quản lý tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.



(Nguồn: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021)

Hình 1: Mô hình bảo đảm chất lượng cấp chương trình đào tạo

3.2. Thực trạng quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận AUN-QA

3.2.1. Độ tin cậy của thang đo

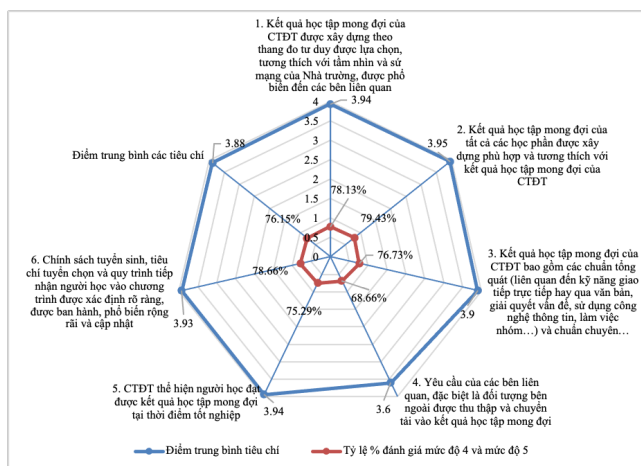
Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát 76 cán bộ quản lý và giảng viên, 174 sinh viên và cựu sinh viên cho thấy, câu hỏi đưa vào sử dụng trong nghiên cứu có độ tin cậy cao. Hệ số Cronbach's Alpha của 9 nhân tố đều có giá trị $\geq 0,7$, hệ số tương quan biến tổng của từng câu hỏi đều $> 0,3$. Vì vậy, có thể kết luận câu hỏi đưa vào nghiên cứu hoàn toàn phù hợp và đáng tin cậy.

3.2.2. Quản lý kết quả mong đợi

Phân tích kết quả Hình 2 cho thấy, kết quả khảo sát 76 cán bộ quản lý và giảng viên cho thấy nhân tố có điểm trung bình = 3,88. Với 5/6 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,88$. Trong đó, tiêu chí có điểm trung bình cao nhất là 3,95 và 79,43% ý kiến đánh giá ở mức độ 4-5. Tiêu chí xếp ở vị trí thứ 2 là tiêu chí: “Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo được xây dựng theo thang đo tư duy được lựa chọn, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, được phổ biến đến các bên liên quan” có điểm trung bình = 3,94 với 78,13% ý kiến đánh giá mức độ 4-5. Mức ý kiến đánh giá ở mức độ 1-2 chiếm tỉ lệ không đáng kể ($< 10\%$). 1/6 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,88$, là tiêu chí: “Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi”. Mức đánh giá ở mức độ 1-2 chiếm 10,34% và có điểm trung bình = 3,60.

3.2.3. Quản lý và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ

Kết quả khảo sát cho thấy, nhân tố có điểm trung bình 3,87. Trong đó, có 14/16 tiêu chí có điểm trung

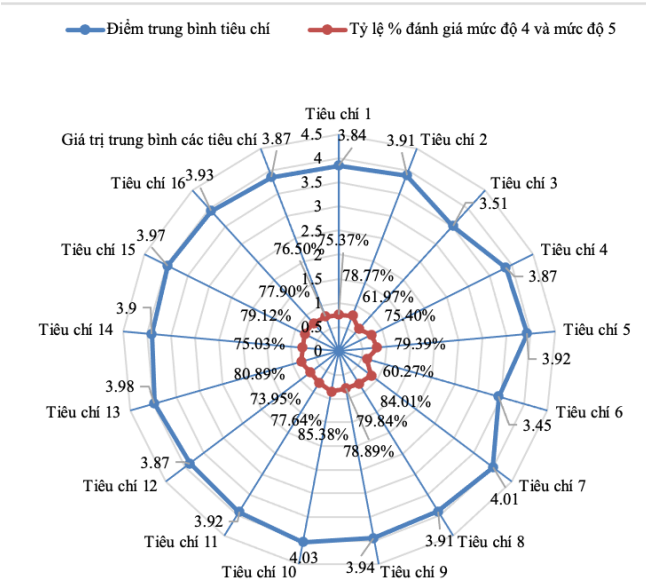


(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 2: Biểu đồ về kết quả học tập mong đợi

bình $\geq 3,87$, các tiêu chí có điểm trung bình từ 3,87-4,03. Tiêu chí có điểm cao nhất là “Giảng viên có đủ số lượng và khả năng để đảm nhiệm tốt chương trình giảng dạy” với điểm trung bình = 4,03 và 85,38% ý kiến đánh giá ở mức độ 4-5. Tổng ý kiến đánh giá các tiêu chí ở mức độ 1-2 chiếm 3,49%, ý kiến chọn mức 3 chiếm 20,01% và ý kiến đánh giá ở mức 4-5 chiếm 76,49%.

Có 2/16 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,87$, ý kiến đánh giá mức 1-2 chiếm tỉ lệ $> 10\%$, cụ thể là: 1) “Nhà trường có chính sách dành cho công tác đào tạo/bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu chuyên môn của công việc” với điểm trung bình = 3,51 và 61,97% đánh giá ở mức độ 4-5, mức đánh giá ở mức độ 1-2 là 10,37%; 2) “Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng” với

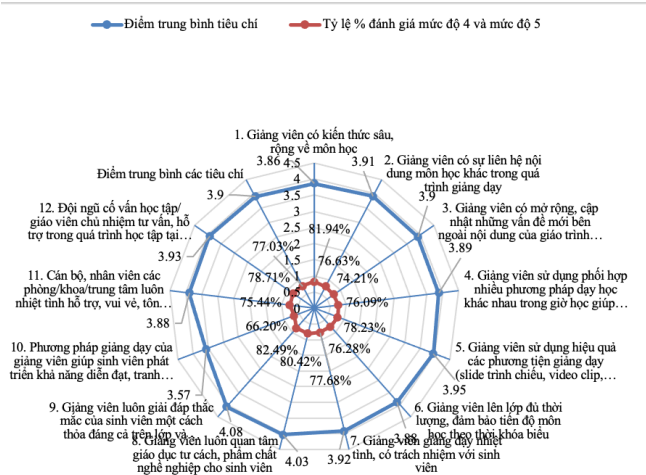


(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 3: Biểu đồ về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ

điểm trung bình =3,45 và 60,27% đánh giá ở mức độ 4-5, mức đánh giá ở mức độ 1-2 là 12,14%.

Nhóm đối tượng đánh giá về năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ có điểm trung bình =3,90. Có 7/12 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,90$, tiêu chí có điểm trung bình cao nhất là “Giảng viên luôn giải đáp thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng cả trên lớp và ngoài lớp” với điểm TB =4,08 và 82,49% ý kiến đánh giá ở mức 4-5. Tiêu chí có điểm trung bình xếp vị trí thứ hai là “Giảng viên luôn quan tâm giáo dục tư cách, phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên” với điểm TB =4,03 và 80,42% ý kiến đánh giá ở mức độ 4-5. Có



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 4: Biểu đồ về năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ

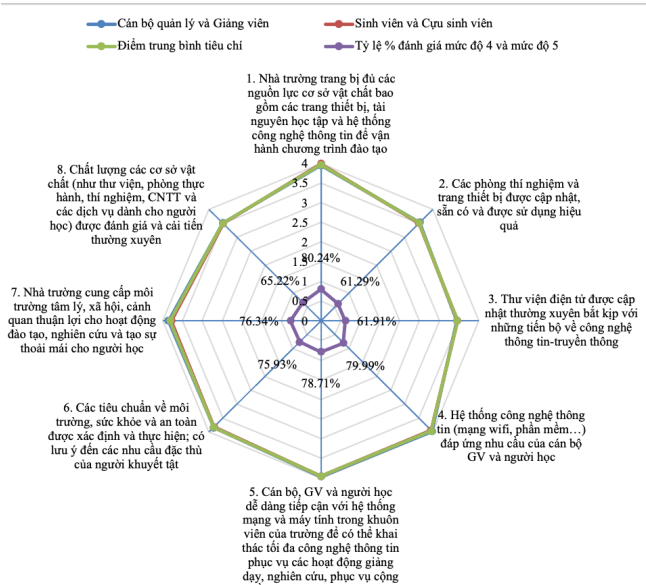
5/12 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,90$, các tiêu chí này có điểm trung bình từ 3,57-3,89 và mức ý kiến đánh giá mức độ 1-2 không đáng kể ($< 10\%$).

Tuy nhiên, riêng tiêu chí “Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp sinh viên phát triển khả năng diễn đạt, tranh luận và tư duy phản biện tích cực” với điểm trung bình =3,57 và ý kiến đánh giá mức độ 1-2 chiếm 11,20%. Nhìn chung, năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ được sinh viên và cựu sinh viên đánh giá khá cao.

3.2.4. Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị

Với 02 nhóm được khảo sát là 76 cán bộ quản lý và giảng viên, 174 sinh viên và cựu sinh viên. Kết quả cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,75. Trong đó, có 5/8 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,75$, các tiêu chí có điểm trung bình từ 3,82-3,97. Trong đó, tiêu chí có điểm trung bình cao nhất là “Nhà trường trang bị đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin để vận hành chương trình đào tạo” với điểm trung bình của 2 nhóm =3,97 và 80,24% ý kiến đánh giá mức độ 4-5, các tiêu chí trên có ý kiến đánh giá ở mức độ 1-2 không đáng kể ($< 10\%$).

Với 3/8 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,75$, mức đánh giá của 2 nhóm đối tượng đánh giá ở mức 1-2 chiếm tỉ lệ $> 10\%$, bao gồm các tiêu chí sau: 1) Tiêu chí “Các phòng thí nghiệm và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả”; 2) Tiêu chí “Thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông”; 3) Tiêu chí “Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến thường xuyên



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 5: Biểu đồ về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị

thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến thường xuyên”.

3.2.5. Quản lý nội dung chương trình đào tạo

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,88. Có 6/8 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,88$, các tiêu chí này dao động từ 3,89-4,07. Trong đó, có 02 tiêu chí có điểm trung bình cao nhất: 1) “Nhà trường thực hiện giám sát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo” với điểm trung bình =4,07 và 84,93% ý kiến ở mức độ 4-5; 2) “Chương trình dạy học cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ” với điểm trung bình =4,04 và 84,64% ý kiến ở mức độ 4-5, các tiêu chí trên có ý kiến ở mức 1-2 không đáng kể (<10%).

Với 2/8 tiêu chí có điểm trung bình <3,88, các tiêu chí này mức đánh giá của 2 nhóm đối tượng ở mức 1-2 chiếm tỉ lệ trên 10%, bao gồm: 1) Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong đối với việc đạt kết quả học tập được xác định rõ ràng; 2) Thông tin phản hồi của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

3.2.6. Quản lý hoạt động dạy và học

Kết quả 02 nhóm đối tượng cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,84. Trong đó có 4/6 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,84$, cụ thể như sau: 1) “Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học” với điểm trung bình = 3,98 và 79,01% ý kiến ở mức 4-5; 2) “Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời” với điểm trung bình =3,89 và 74,99% ý kiến ở mức 4-5; 3) “Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm” với điểm trung bình =3,88

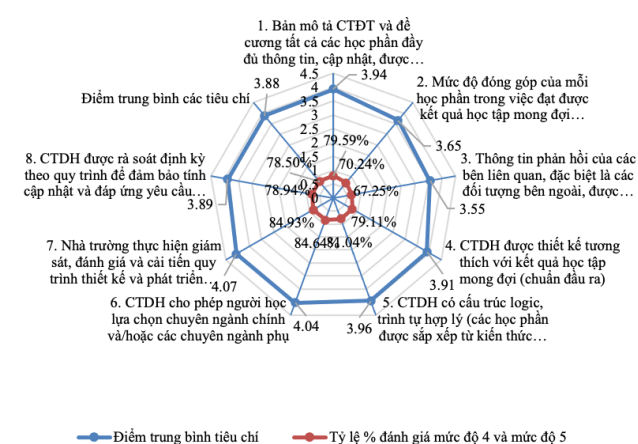
và 74,31% ý kiến ở mức 4-5; 4) “Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động” với điểm trung bình =3,94 và 78,09% ý kiến ở mức 4-5.

Phân tích Hình 7 (có 6 nội dung gồm các yếu tố từ 1 – 6) cho thấy: Với 2/6 tiêu chí có điểm trung bình <3,84. Mức độ đánh giá của 02 nhóm đối tượng với điểm đánh giá ở mức 1-2 chiếm tỉ lệ >10%, bao gồm các yếu tố (2) và (3).

3.2.7. Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá

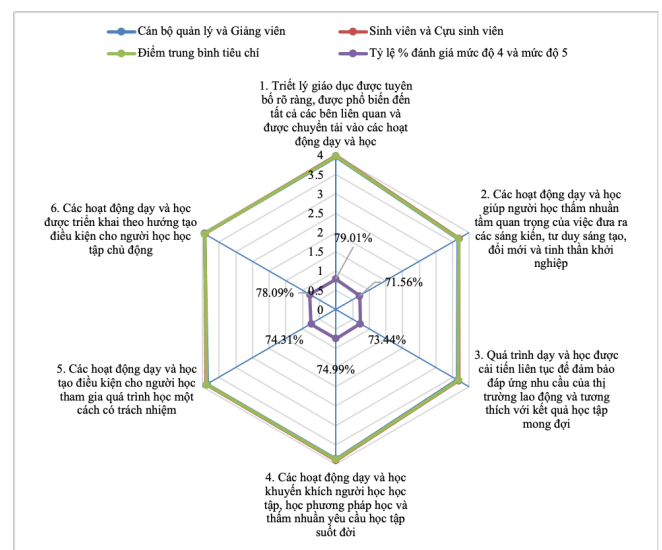
Kết quả khảo sát 02 nhóm đối tượng cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,84. Trong đó có 5/8 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,84$. Tiêu chí có điểm trung bình cao nhất là “Thông tin phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập được gửi kịp thời giúp cải thiện chất lượng học tập của người học” với điểm trung bình = 4,18 và 92,57% ý kiến đánh giá ở mức 4-5. Các tiêu chí trên đều có điểm trung bình dao động từ 3,95-4,18 và ý kiến mức độ 4-5 dao động từ 78,08%-92,57%, mức đánh giá thấp 1-2 của các tiêu chí không đáng kể (<10%).

Với 3/8 tiêu chí có điểm trung bình <3,83, mức đánh giá của 2 nhóm đối tượng ở mức độ 1-2 chiếm tỉ lệ >10%, bao gồm: 1) “Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu đào tạo” với 10,60% ý kiến ở mức 1-2; 2) “Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi” với 11,40% ý kiến ở mức 1-2; 3) “Các phương pháp kiểm tra đánh



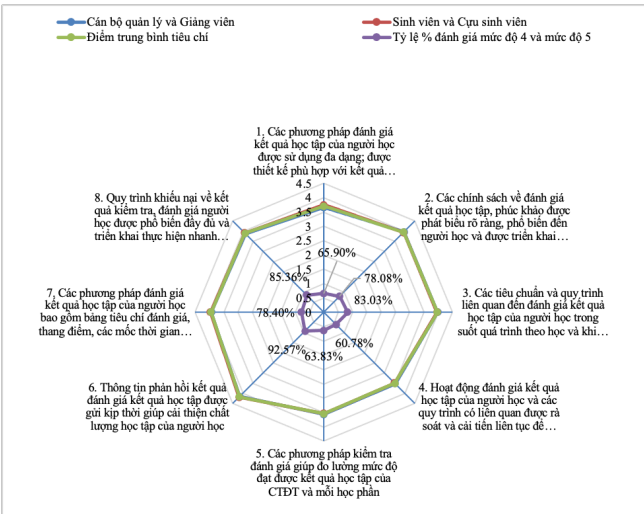
(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 6: Biểu đồ về nội dung chương trình đào tạo



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 7: Biểu đồ về hoạt động dạy và học



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 8: Biểu đồ về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá

giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của chương trình đào tạo và mỗi học phần” với 11,85% ý kiến ở mức 1-2.

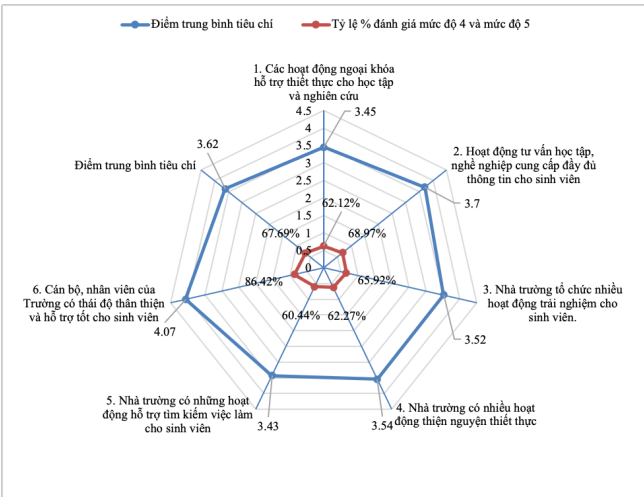
3.2.8. Quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ

Kết quả khảo sát 174 sinh viên và cựu sinh viên cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,62. Trong đó, 2/6 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,62$, cụ thể như sau: 1) “Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin cho sinh viên”, có điểm trung bình =3,70, với 68,97% ý kiến đánh giá mức độ 4-5; 2) “Cán bộ, nhân viên của Trường có thái độ thân thiện và hỗ trợ tốt cho sinh viên”, có điểm trung bình =4,07, với 86,42% ý kiến đánh giá mức độ 4-5.

Với 4/6 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,62$. Nhìn chung yếu tố này được đánh giá không cao với 04 tiêu chí đánh giá mức 1-2 chiếm tỉ lệ $> 10\%$, bao gồm: 1) Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu với 12,25%, điểm trung bình =3,45; 2) Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm cho sinh viên với 11,25%; 3) Nhà trường có nhiều hoạt động thiện nguyện thiết thực với 11,39%, điểm trung bình =3,52; 4) Nhà trường có những hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên với 12,03%, điểm trung bình =3,43.

3.2.9. Quản lý sự tiến bộ của người học

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này bằng 3,76. Trong đó có 2/4 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,76$, cụ thể như sau: 1) “Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần” có



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 9: Biểu đồ về quản lý hoạt động phục vụ và hỗ trợ

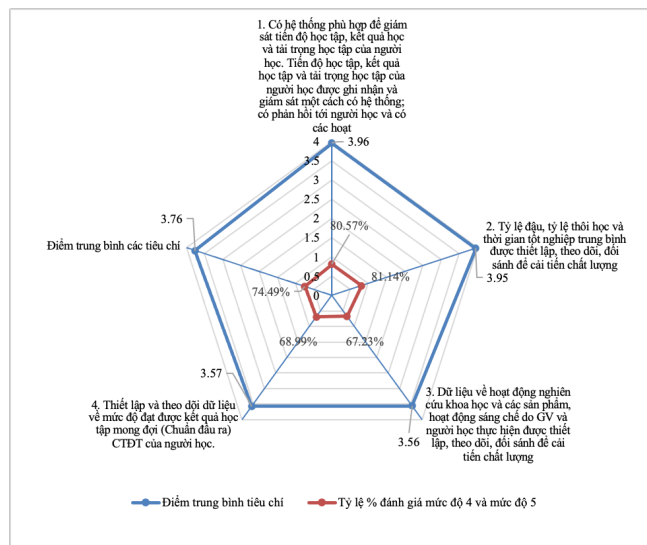
điểm trung bình =3,96 với 80,57% ý kiến đánh giá mức độ 4-5; 2) “Tỉ lệ đậu, tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng” có điểm trung bình =3,95 với 81,14% ý kiến đánh giá mức độ 4-5. Các ý kiến ở mức độ 1-2 đối với 2 tiêu chí trên chiếm tỉ lệ $< 10\%$.

Phân tích Hình 10 (bao gồm các yếu tố từ 1 – 5) Với 2/4 tiêu chí có điểm trung bình $< 3,76$. Mức độ đánh giá với 02 tiêu chí đánh giá mức 1-2 chiếm tỉ lệ trên 10%, bao gồm 2 yếu tố (3) chiếm tỉ lệ 10,45%, điểm trung bình =3,56 và yếu tố (4) với tỉ lệ 11,85%, điểm trung bình =3,57.

3.2.10. Quản lý Tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Theo kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình của nhân tố này =3,78. Trong đó, có 3/5 tiêu chí có điểm trung bình $\geq 3,78$, cụ thể như sau: 1) “Hệ thống thu thập thông tin về tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng”, có điểm trung bình =3,98, với 80,95% ý kiến đánh giá mức độ 4-5; 2) “Thực hiện đánh giá, giám sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên”, có điểm trung bình =3,89 với 77,47% ý kiến đánh giá mức độ 4-5; 3) “Cơ chế thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến chất lượng”, có điểm trung bình =3,91 với 78,04% ý kiến đánh giá mức độ 4-5.

Với 2/5 tiêu chí có điểm trung bình $\leq 3,78$. Mức độ đánh giá ở mức độ 1-2 chiếm tỉ lệ trên 10%, bao gồm: 1) Có bộ phận tư vấn triển khai thực hiện cung cấp thông tin về cơ hội nghề nghiệp cho người học với 11,69%, điểm trung bình =3,56; 2) Mức độ hài



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 10: Biểu đồ về quản lý sự tiến bộ của người học

lòng của các bên liên quan cần được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng với 11,46%, điểm trung bình = 3,57.

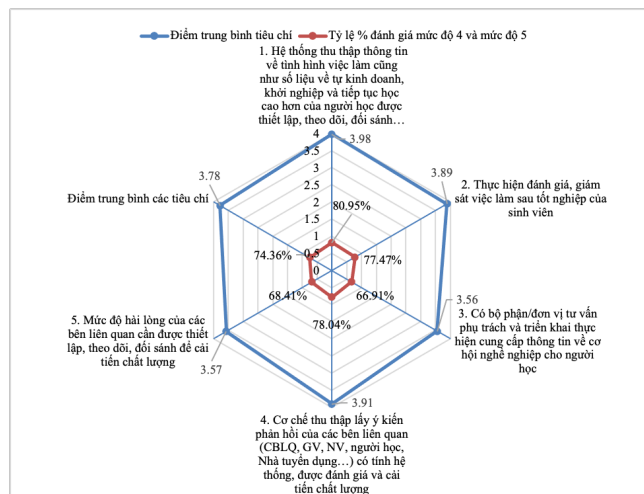
4. Thảo luận

4.1. Đánh giá chung về thực trạng quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn AUN-QA

Trong thời gian qua, nhà trường đã nỗ lực trong việc quản lý chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, 2022, 2023) và dần hướng đến tiêu chuẩn kiểm định theo AUN-QA. Trường thực hiện việc quản lý khá toàn diện các tiêu chí theo mô hình AUN-QA và đã đạt được những kết quả ban đầu.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường, phổ biến đến các bên liên quan. Kết quả học tập mong đợi của các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với kết quả học tập mong đợi. Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo bao gồm các chuẩn tổng quát và chuẩn chuyên ngành. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương tất cả các học phần đầy đủ thông tin, cập nhật, được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra, có cấu trúc logic, trình tự hợp lý và có tính tích hợp.

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học. Các hoạt động dạy



(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025)

Hình 11: Biểu đồ về quản lý tỉ lệ có việc làm

và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời.

Nhà trường trang bị đủ các nguồn lực cơ sở vật chất để vận hành chương trình đào tạo. Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin cho sinh viên. Có hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của người học.

Có hệ thống phù hợp để giám sát, kết quả học và tải trọng học tập của người học. Tỷ lệ thời học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Cơ chế thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến chất lượng. Hệ thống thu thập thông tin của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng. Thực hiện đánh giá, giám sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên.

4.2. Hạn chế

Nhận thức về tổ chức đào tạo còn hạn chế, trong đó nhiều giảng viên của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh chưa được đào tạo đầy đủ về AUN-QA, dẫn đến việc áp dụng chưa đồng bộ và hiệu quả dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá kết quả học tập theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA do thiếu công cụ và phương pháp đánh giá phù hợp.

Cơ sở vật chất của nhà trường, nguồn lực tài chính hạn chế có thể ảnh hưởng đến việc cải tiến chương trình đào tạo và đầu tư vào cơ sở hạ tầng cần thiết. Đồng thời, các quy định và tiêu chuẩn của AUN-QA có thể chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn quản lý giáo dục tại các trường đại học Việt Nam.

Khó khăn trong việc triển khai chương trình,

trong đó việc áp dụng các tiêu chuẩn AUN-QA đôi khi gặp trở ngại do sự thiếu phối hợp giữa các bộ phận trong trường. Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên và các bên liên quan có thể chưa hiệu quả, dẫn đến việc cải tiến chương trình đào tạo không kịp thời.

Kinh nghiệm triển khai chương trình theo AUN-QA còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Để khắc phục những hạn chế này, các trường đại học cần tăng cường đào tạo cho giảng viên, cải tiến cơ sở hạ tầng, và xây dựng các hệ thống đánh giá và phản hồi hiệu quả hơn. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp dưới đây.

4.3. Đề xuất một số giải pháp quản lý chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận AUN-QA

4.3.1. Nhóm giải pháp quản lý chất lượng chương trình đào tạo

Thực hiện rà soát và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận AUN-QA. Mục tiêu chung phát biểu rõ định hướng ứng dụng, bám sát sứ mạng của trường. Chuẩn đầu ra bám sát và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thị trường lao động.

Trường cần tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan trong rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, đặc biệt tổ chức các hội thảo, tọa đàm trực tiếp để thu thập ý kiến góp ý.

Trường cần thực hiện rà soát ma trận kỹ năng, ma trận quan hệ phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra và ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra đảm bảo các học phần trong chương trình đào tạo đều đóng góp trong việc đạt chuẩn đầu ra.

4.3.2. Nhóm giải pháp đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Hoàn thiện các quy định về tiêu chí đánh giá, chỉ số đo lường của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, Rubrics tương ứng với từng chuẩn đầu ra học phần. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp kiểm tra đánh giá cho giảng viên và các cán bộ quản lý. Đa dạng hóa trong các hình kiểm tra đánh giá.

Thực hiện đánh giá sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và xây dựng hướng dẫn và triển khai đo lường độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá đối với toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo

4.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hoạt động dạy và học

Khoa cần rà soát, hoàn thiện và cụ thể hóa nội dung tài liệu hướng dẫn lựa chọn các phương pháp dạy học và thiết kế hoạt động dạy - học phù hợp với chuẩn đầu ra học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tăng cường thời lượng thực tập/thực tế, tăng cường các hoạt động đến doanh nghiệp. Tăng cường kết nối và sự tham gia của nhà tuyển dụng trong chương trình đào tạo.

4.3.4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và các bộ hỗ trợ

Quy hoạch và tuyển chọn đội ngũ giảng viên đủ cơ cấu trình độ, kinh nghiệm, tuổi. Nâng kinh phí bồi dưỡng ngoài nước và bồi dưỡng công bố quốc tế cho giảng viên.

Cần có biện pháp hiệu quả để gia tăng công bố trên các tạp chí trong nước/quốc tế, kỉ yếu hội thảo quốc tế, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Nhà nước, sản phẩm bài báo khoa học từ các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Xem xét nâng kinh phí cho nghiên cứu khoa học và mức khen thưởng để khuyến khích giảng viên trong nghiên cứu khoa học.

Định kì lập kế hoạch và tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực, kiểm tra đánh giá để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4.3.5. Nhóm giải pháp nâng cao hoạt động phục vụ và hỗ trợ

Tư vấn giới thiệu việc làm bán thời gian, tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Phân tích dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm cần được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm sau.

4.3.6. Nhóm giải pháp quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng và triển khai kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các đối tác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu. Đẩy mạnh tin học hóa trong quản lý và vận hành thư viện.

Cần đẩy mạnh công tác tin học hóa; tăng cường việc sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy trực tuyến hiệu quả hơn, giám sát tương tác giữa dạy và học, kiểm tra đánh giá trực tuyến; đầu tư xây dựng phòng studio để sản xuất học liệu số phục vụ elearning.

4.3.7. Nhóm giải pháp nâng cao hoạt động quản lý sự tiến bộ của người học và tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Nhà trường cần có giải pháp để giảm tỉ lệ thời học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn như: cần làm tốt hơn công tác hướng nghiệp để khơi dậy lòng yêu nghề của sinh viên ngay từ khi mới nhập học và trong suốt quá trình học tập; hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập chủ động, hiệu quả.

Cần có nhiều giải pháp giúp người học tốt nghiệp khỏi nghiệp để tăng tỉ lệ người học tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Cần đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với trường khác làm căn cứ để đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

4.3.8. Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý chương trình đào tạo

Chuẩn hóa quy trình, quy định tại các đơn vị cho toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác quản lý chương trình đào tạo theo tiếp cận AUN-QA. Tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng, kiểm định

chất lượng theo tiếp cận AUN-QA nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Tập huấn và hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên toàn trường triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài theo chuẩn AUN-QA. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của nhà trường.

5. Kết luận

Quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nói riêng và các ngành đào tạo nói chung theo tiếp cận AUN-QA là mục tiêu mà Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương đang hướng tới chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu dự trên mô hình bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo AUN-QA để điều tra thực trạng việc quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của nhà trường. Kết quả nghiên cứu chỉ ra thực trạng hạn chế trong công tác quản lý chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận AUN-QA. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* (Thông tư số 17).
- Cục Quản lý chất lượng. (2024). *Danh sách các cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và được đánh giá/công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (cập nhật đến ngày 30/11/2024)*. Truy cập từ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-bao-dam/thong-bao/danh-sach-cac-co-so-giao-duc-chuong-trinh-dao-tao-giao-duc-dai-hoc-va-cao-dang-su-pham-da-hoan-thanh-bao-cao-tu-danh-gia-va-duoc-danh-gia-cong-nhan-dat-tieu-chuan-chat-luong-giao-duc-cap-nhat-den-ngay-30-11-2024-65.html>
- Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. (2021). *Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2023*. (Lưu hành nội bộ).
- Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. (2022). *Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh năm 2022*. (Lưu hành nội bộ).
- Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. (2023). *Kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2023*. (Lưu hành nội bộ).
- Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương. (2024). *Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2035*. (Lưu hành nội bộ).
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2021). *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA phiên bản 4.0*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Lao động Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, tập 1-2.
- Hồ Minh Hùng và Nguyễn Chiến Thắng. (2024). Vận dụng tiêu chuẩn AUN-QA vào xây dựng đề cương chi tiết Học phần Đáp ứng chuẩn đầu ra ở các trường đại học, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 03, 1859 – 0810.
- Narli, S. (2010). An alternative evaluation method for Likert type attitude scales: Rough set data analysis. *Scientific Research and Essays*, 5(6), 519-528
- Nguyễn Huy Dũng. (2023). Một số biện pháp quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiếp cận AUN-QA ở Trường Đại học Sài Gòn. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 01, 72-80.
- Nguyễn Quang Vinh. (2020). Thực trạng và xu hướng kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 46. <https://doi.org/10.46242/jst-iuh.v46i04.707>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030* (Quyết định số 78).
- Yavuz, G., Günhan, B. C., Ersoy, E., & Narli, S. (2013). Self-efficacy beliefs of prospective primary mathematics teachers about mathematical literacy. *Journal of College Teaching & Learning*, 10(4): 279-287